

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ NGHỆ AN

GIÁO TRÌNH
THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP
(Dùng cho hệ Đại học và Cao đẳng)

HÀ NỘI - 2014

LỜI NÓI ĐẦU

Trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục con người đều phải minh chứng bằng những dữ liệu. Thống kê là khoa học về những dữ liệu đó bằng việc thu thập tổ chức và diễn giải các thông tin thu thập được. Nếu hiểu biết về thống kê chúng ta sẽ chấp lọc được những thông tin quan trọng và cần thiết để phân tích dữ liệu một cách chính xác và hữu hiệu.

Việc trang bị kiến thức về khoa học thống kê là một bước chuẩn bị tốt cho mọi ngành nghề, nhất là các chuyên ngành thuộc khối kinh tế. Có nhiều giáo trình thể hiện đa dạng hóa trong cách tiếp cận với khoa học thống kê ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Giáo trình lý thuyết thống kê này nói đến khoa học dữ liệu với những nguyên lý chung nhất về các kỹ năng ứng dụng. Giáo trình được biên soạn trên cơ sở tiếp thu nội dung và kinh nghiệm giảng dạy môn học bao nhiêu năm, đồng thời cập nhập kiến thức mới của thống kê hiện đại, bổ sung những kiến thức cao hơn, chuyên sâu hơn, vì vậy chúng tôi biên soạn cuốn giáo trình “Lý Thuyết Thống Kê”.

Giáo trình cấu trúc gồm 7 chương được phân công biên soạn như sau:

Chương 1, 2, 3. TS. Dương Xuân Thao

Chương 4, 5, 6, 7. ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi cố gắng thể hiện tính cơ bản, tính hiện đại, tính khoa học và tính hệ thống của chương trình môn học. Hy vọng cuốn sách là giáo trình tốt cho sinh viên và là tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên chuyên ngành.

Mặc dù đã cố gắng đọc và tham khảo nhiều tài liệu trong và ngoài nước, cập nhật những kinh nghiệm thực tế, nhưng do khả năng có hạn nên không thể tránh khỏi thiếu sót.

Chúng tôi rất mong nhận được đóng góp ý kiến của bạn đọc gần xa để cuốn sách được hoàn thiện trong lần xuất bản sau.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nhóm tác giả

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

1. KHÁI QUÁT VỀ THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, nền kinh tế nước ta chuyển từ nền kinh tế quản lý theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Do đó, cơ chế quản lý kinh tế cũng chuyển từ cơ chế hành chính bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất của nhà nước chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế thị trường. Sự đổi mới căn bản của cơ chế quản lý này bắt buộc các doanh nghiệp phải hạch toán chặt chẽ. Nghĩa là thực hiện nguyên tắc lấy thu bù chi và phải có lãi. Doanh nghiệp phải đảm bảo tự thu, tự chi, tự phát triển, tự chịu trách nhiệm và tự quyết định các vấn đề về mục tiêu, phương hướng sản xuất kinh doanh.

Khi nền kinh tế phát triển nhanh cả về quy mô lẫn tốc độ, cả chiều rộng lẫn chiều sâu thì vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý doanh nghiệp cần phải năng động và sáng tạo hơn, sử dụng đồng vốn một cách có hiệu quả nhất, tạo khả năng chiếm lĩnh thị trường để đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển vững mạnh. Do đó, các doanh nghiệp phải luôn quan tâm đến diễn biến của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả đạt được. Các doanh nghiệp phải nắm bắt đầy đủ, chính xác và kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ hạch toán. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp mới phân tích, đánh giá được kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Vì vậy, nắm bắt đầy đủ, chính xác kịp thời mọi diễn biến của hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng, là vấn đề không thể thiếu được trong mỗi doanh nghiệp. Nó được thể hiện qua số liệu

thống kê kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thống kê chất lượng sản phẩm, thống kê các yếu tố sản xuất, thống kê giá thành và thống kê hiệu quả hoạt động kinh doanh. Qua đó giúp cho các nhà quản lý có thể đánh giá chính xác về hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đề ra các biện pháp tích cực, khoa học và đưa ra các quyết định kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường.

2. CÁC KHÁI NIỆM CHUNG VỀ THỐNG KÊ

2.1. Khái niệm

Thống kê là một hệ thống các phương pháp bao gồm thu thập, tổng hợp, trình bày số liệu, tính toán các đặc trưng của đối tượng nghiên cứu nhằm phục vụ cho quá trình phân tích, dự đoán và đề ra các quyết định.

2.2. Chức năng của thống kê

Thống kê thường nghiên cứu 2 lĩnh vực:

2.2.1. Thống kê mô tả

Thống kê mô tả bao gồm các phương pháp liên quan đến việc thu thập số liệu, tóm tắt, trình bày, tính toán các đặc trưng khác nhau để phản ánh một cách tổng quát đối tượng nghiên cứu.

2.2.2. Thống kê suy diễn (thống kê suy luận)

Thống kê suy diễn bao gồm các phương pháp ước lượng các đặc trưng của tổng thể nghiên cứu, phân tích mối liên hệ giữa các hiện tượng nghiên cứu, dự đoán hoặc đề ra các quyết định trên cơ sở các số liệu thu thập được.

2.3. Phương pháp luận của môn học

2.3.1. Cơ sở phương pháp luận của môn học

Cơ sở phương pháp luận của Thống kê học và Thống kê doanh nghiệp nói riêng là chủ nghĩa duy vật biện chứng. Thống kê luôn biểu hiện mặt lượng của hiện tượng kinh tế xã hội, thông qua mặt

lượng nói lên mặt chất. Thống kê doanh nghiệp lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng làm cơ sở lý luận, điều đó được thể hiện trên các phương diện sau:

- Phải phân tích và đánh giá quá trình hoạt động của doanh nghiệp trong trạng thái động.
- Xem xét các mặt, các hoạt động, các quá trình kinh doanh của doanh nghiệp trong mối quan hệ biện chứng, quan hệ nhân quả.
- Xây dựng các phương pháp đo lường, các chỉ tiêu và các công thức tính toán mang tính hệ thống, logic, . . .

2.3.2. Cơ sở lý luận của môn học

Cơ sở lý luận của môn học là các học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác Lênin và kinh tế thị trường. Các môn khoa học này trang bị cho các nhà thống kê hiểu nội dung kinh tế của các chỉ tiêu thống kê một cách sâu sắc.

Ngoài ra, thống kê còn là công cụ phục vụ công tác quản lý, vì vậy phải lấy đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước làm cơ sở lý luận.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA MÔN HỌC THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Thống kê doanh nghiệp là một môn học trong hệ thống môn học thống kê; nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ chặt chẽ với mặt chất, của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn, diễn ra trong doanh nghiệp gắn liền điều kiện thời gian và không gian cụ thể.

- Là một bộ phận của thống kê học, đối tượng nghiên cứu của thống kê doanh nghiệp nghiên cứu các quy luật số lượng có nghĩa là:

+ Thống kê doanh nghiệp nghiên cứu mặt lượng trong mối liên hệ mật thiết với mặt chất.

+ Thống kê doanh nghiệp dùng con số, số lượng để biểu hiện bản chất và tính quy luật của các hiện tượng.

+ Con số của thống kê doanh nghiệp luôn là con số có nội dung

kinh tế cụ thể, vì vậy để tạo ra con số thống kê chính xác, các nhà thống kê cần hiểu đúng nội dung kinh tế của con số. Để sử dụng có hiệu quả các con số thống kê, các nhà quản trị cần đọc được, hiểu đúng các nội dung kinh tế con số thống kê mà họ sẽ sử dụng.

- Thống kê doanh nghiệp nghiên cứu quy luật số lượng, vì lượng và chất luôn có mối liên hệ biện chứng với nhau, không tách rời, không cô lập, lượng nào cũng được biểu hiện 1 mặt chất nhất định.

- Thống kê doanh nghiệp nghiên cứu các hiện tượng số lớn, nhằm để rút ra những đặc trưng, quy luật chung của hiện tượng nghiên cứu, không có nghĩa là thống kê doanh nghiệp không nghiên cứu hiện tượng cá biệt mà cần hiểu đúng, chính xác là mọi hiện tượng phát sinh dù là hiện tượng số lớn, hay hiện tượng cá biệt đều cần được thống kê phản ánh.

- Thống kê doanh nghiệp, nghiên cứu các hiện tượng trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể, có nghĩa là mỗi con số của thống kê doanh nghiệp, cần gắn với đơn vị không gian mà nó phản ánh, gắn với thời gian phát sinh hoặc thời điểm mà trạng thái của hiện tượng được phản ánh, thống kê doanh nghiệp cần nghiên cứu các hiện tượng trong điều kiện thời gian và địa điểm cụ thể vì:

- + Hiện tượng luôn tồn tại và vận động, phát triển, biến đổi không ngừng theo thời gian và không gian.

- + Để nhận thức được hiện tượng, để các con số thống kê được xác định cần thiết phải có đủ bốn tiêu thức: thực thể, thời gian, không gian và thước đo về đơn vị tính.

- Thống kê doanh nghiệp, không nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên và kỹ thuật, mà chỉ nghiên cứu mức độ ảnh hưởng tương hỗ giữa các hiện tượng tự nhiên và kỹ thuật đến các hiện tượng kinh tế.

3.2. Nhiệm vụ của môn học thống kê doanh nghiệp

Thống kê doanh nghiệp là một môn khoa học thống kê để phục vụ cho công tác quản lý của doanh nghiệp, do đó môn học này thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Nghiên cứu đề xuất các phương pháp thu thập thông tin thống kê kịp thời, chính xác, đầy đủ phản ánh tình hình sử dụng và hiệu quả sử dụng các yếu tố của quá trình sản xuất, đồng thời nghiên cứu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ.
- Thu thập thông tin phản ánh tình hình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, thống kê phân tích giá thành, giá bán và xác định mức cầu thị trường, để điều chỉnh kế hoạch sản xuất cho thích hợp.
- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê, phân tích các mặt hoạt động, hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp.
- Thống kê tổng hợp và xử lý thông tin đã thu thập, làm cơ sở ứng dụng thống kê trong công tác quản lý doanh nghiệp

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Hoạt động thống kê là gì? Vai trò của thống kê trong quản lý kinh tế?
2. Thông tin thống kê là gì? Nhiệm vụ công tác thông tin trong thống kê?
3. Trình bày cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp luận của thống kê doanh nghiệp?

Chương 2

THỐNG KÊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Đó là những sản phẩm mang lại lợi ích tiêu dùng cho xã hội, thể hiện là những sản phẩm vật chất hoặc sản phẩm phi vật chất. Những sản phẩm này phải phù hợp với lợi ích kinh tế và trình độ văn minh của xã hội. Được người tiêu dùng chấp nhận.

Do vậy, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (DN) phải thỏa mãn những yêu cầu sau:

- Do lao động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp làm ra, đủ tiêu chuẩn chất lượng pháp lý.
- Đáp ứng được yêu cầu tiêu dùng cụ thể của cá nhân hoặc cộng đồng
- Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải đảm bảo lợi ích người tiêu dùng và doanh nghiệp (chất lượng sản phẩm không vượt quá giới hạn về kinh tế và được người tiêu dùng chấp nhận).
- Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải đảm bảo lợi ích chung của xã hội (Môi trường..).

Vì vậy những sản phẩm mua về mà doanh nghiệp không có đầu tư thêm để gia công, chế biến thì không được coi là kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. Các dạng biểu hiện kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- *Thành phẩm*

Là SP vật chất đã trải qua toàn bộ các khâu của quy trình sản xuất của đơn vị; đạt tiêu chuẩn kỹ thuật mà đơn vị đó đề ra; đã được tiến hành kiểm tra chất lượng đã hoặc đang làm thủ tục nhập kho (trừ một số sản phẩm đặc biệt có quy định riêng). Theo quy định của tổng cục thống kê không tính vào thành phẩm những sản phẩm sau:

- Sản phẩm mua với mục đích để bán, không qua bất kỳ một chế biến gì thêm của DN.

- Sản phẩm thuê đơn vị khác gia công, chế biến chuyên về doanh nghiệp không chế biến gì thêm.

- Sản phẩm chưa làm xong thủ tục nhập kho (với ngành công nghiệp).

- Sản phẩm có khuyết tật, không đạt tiêu chuẩn chất lượng nhưng chưa sửa chữa lại.

- Bán thành phẩm

Là sản phẩm đã được hoàn thành ở một hoặc một số khâu của quy trình sản xuất nhưng chưa đến khâu sản xuất cuối cùng. Bán thành phẩm có thể đem đi tiêu thụ được.

- Sản phẩm đang trong quá trình sản xuất (Tại chế phẩm).

Là sản phẩm đã được hoàn thành ở một hoặc một số khâu của quy trình sản xuất nhưng chưa đến khâu sản xuất cuối cùng và hiện tại đang được chế biến ở một khâu nào đó. Nó không đem đi tiêu thụ được.

- Sản phẩm sản xuất dở dang.

Gồm toàn bộ bán thành phẩm, tại chế phẩm có tại thời điểm nghiên cứu.

- Sản phẩm chính.

Là sản phẩm thu được thuộc mục đích chính của quy trình sản xuất.

- Sản phẩm phụ.

Là sản phẩm thu được thuộc mục đích phụ của quy trình sản xuất. Và là sản phẩm đi kèm theo với sản phẩm chính có giá trị thấp hơn.

- Sản phẩm song đôi.

Hai hoặc nhiều sản phẩm cùng là sản phẩm chính, thu được trong một quy trình sản xuất.

- Hoạt động sản xuất chính.

Là hoạt động tạo ra giá trị gia tăng nhiều nhất của một đơn vị sản xuất.

- Hoạt động sản xuất phụ.

Là các hoạt động của một đơn vị sản xuất được thực hiện nhằm tận dụng các yếu tố dồi thừa của hoạt động chính để sản xuất ra các sản phẩm phụ nhưng giá trị gia tăng của nó phải nhỏ hơn giá trị gia tăng của hoạt động sản xuất chính.

- Hoạt động sản xuất hỗ trợ.

Là các hoạt động của một đơn vị để tự thỏa mãn nhu cầu cho sản xuất chính hoặc sản xuất phụ của đơn vị, nó không phục vụ cho bên ngoài doanh.

1.3. Đơn vị đo lường kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Đơn vị tự nhiên: SP, cái, con, ca, vụ, tấn, kg, m², m³.....
- Đơn vị tiền tệ: VN đồng, USD...
- Đơn vị quy chuẩn: lương thực quy thóc, máy kéo tiêu chuẩn..

2. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

Để đánh giá tổng hợp kết quả hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp cần phải có một hệ thống chỉ tiêu tối thiểu cần thiết. Trước 1993 ở Việt Nam theo hệ thống MPS (hệ thống sản xuất vật chất, tức là chỉ tính giá trị tổng sản lượng) (được xây dựng trên cơ sở học thuyết kinh tế của C. Mác) về mặt phạm vi tính toán hẹp hơn các chỉ tiêu của hệ thống SNA (Hệ thống tài khoản quốc gia) (Được xây dựng trên cơ sở các học thuyết kinh tế tư sản, đại biểu là Adam Smith và David